TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1390/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 21 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1201/2018/HNST ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
-Bà Phạm Thị L - sinh năm 1983
HKTT: 93/10/1D Q, phường N, quận T
Tạm trú: 42/2 B, phường H, quận B1, TP.H
-Ông Lê Phan Ngọc H1 - sinh năm 1980
Địa chỉ: 55/15/27 Q, phường N, quận T, TP,H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Lê Phan Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Thành phố Q, tỉnh Q1.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại 55/15/27 Q, phường N, quận T, TP,H. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hai bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay cả hai xin cùng thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về quan hệ con chung: Cả hai có 02 con chung tên Lê Phạm Quốc B, sinh ngày 28/4/2004 và Lê Phạm T, sinh ngày 31/01/2009. Cả hai thỏa thuận giao hai con cho bà Lệnh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng một trẻ 2.000.000 đồng (Hai trẻ 4.000.000 đồng), bắt đầu từ tháng 01/2019 đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Lê Phan Ngọc H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Lê Phan Ngọc H chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2004, ngày 12/7/2004 của UBND phường N, Thành phố Q, tỉnh Q1 cấp cho bà L và ông H không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Lê Phạm Quốc B, sinh ngày 28/4/2004 và Lê Phạm Bảo T, sinh ngày 31/01/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng một trẻ 2.000.000 đồng (Hai trẻ 4.000.000 đồng), bắt đầu từ tháng 01/2019 đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

Trong trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà L được quyền nộp đơn lên cơ quan thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành. Kể từ thời điểm bà L nộp đơn yêu cầu, nếu ông H không thực hiện thì ông H còn phải chịu thêm tiền lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà L hoặc ông, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng do L và ông H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L và ông H đã nộp theo biên lai thu số 0012234 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà L và ông H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường N, quận T, TPH;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Trúc Lý